TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 718/2025/DS – ST.
Ngày: 11-9-2025.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hương
2. Bà Nguyễn Đặng Thanh Giang

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đậu Thị Hải Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 -, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Bích– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2025/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1864/QĐST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1865/2025/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S
Địa chỉ trụ sở chính: Lầu H, 2 N, phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S
(Văn bản ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)
Trụ sở: 278 N, phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S ủy quyền lại cho bà Vũ Thị Thạch T – sinh năm: 1999 (có đơn xin vắng mặt)
(Văn bản ủy quyền số 7741/2024/UQ-TGĐ ngày 11/11/2024)
Bị đơn: Bà Phạm Ngọc L, sinh năm: 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố T (nay là phường C),Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng), lời khai tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị Thạch T trình bày:

Ngày 20/01/2020, bà Phạm Ngọc L có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS PayWave Cre Classic 472074-3925. Hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2.77%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.117.176 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt cho đến nay, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.728.001 đồng. Số tiền thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng là ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/7/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ VS PayWave Cre Classic 472074-3925 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán. Tuy nhiên, bà L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Ngọc L trả một lần cho Ngân hàng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực toàn bộ số tiền nợ đối với thẻ VS PayWave Cre Classic 472074-3925 là 34.218.913 đồng, trong đó nợ gốc 16.309.449 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 11/9/2025 là 17.909.464 đồng.

Và bà Phạm Ngọc L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Phạm Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do cũng như không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của bà L đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do bà L vắng mặt nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật

của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm.

Về nội dung vụ án: căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung Đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Ngọc L phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay (gồm tiền gốc và tiền lãi quá hạn) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 20/01/2020. Theo địa chỉ nguyên đơn ghi trong đơn khởi kiện thì bà Phạm Ngọc L cư trú tại số A đường T, phường T, thành phố T (nay là phường C),Thành phố Hồ Chí Minh), tuy nhiên theo kết quả xác minh của công an phường C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà L không cư trú tại số A đường T, phường T, thành phố T (nay là phường C),Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ sổ hộ khẩu bà L cung cấp trong hồ sơ vay thì bà L có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là ấp N, xã T, tỉnh Cà Mau), theo kết quả xác minh của Công an xã T, tỉnh Cà Mau thì bà L có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên tuy nhiên không thực tế cư trú. Tòa án thông báo cho Ngân hàng cung cấp địa chỉ mới của bà Phạm Ngọc L và làm đơn yêu cầu đăng trên phương tiện đại chúng nhưng Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ mới cũng như không đồng ý yêu cầu đăng trên phương tiện thông tin đại chúng, yêu cầu Tòa án tống đạt tại địa chỉ bà L cung cấp trong hồ sơ vay do bà L thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng nhưng không thông báo cho Ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2-Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn bà Phạm Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ:

Theo nội dung Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 20/01/2020, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS PayWave Cre Classic 472074-3925 cho bà Phạm Ngọc L. Hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2.77%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc hai bên thỏa thuận mức lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt cho đến nay, bà Phạm Ngọc L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.117.176 đồng, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.728.001 đồng. Số tiền thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng là ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Số tiền còn lại chưa thanh toán.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, ngày 11/7/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L đều vắng mặt và không gửi ý kiến, giấy tờ tài liệu liên quan đến tranh chấp nêu trên cho Tòa án. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Ngọc L phải trả toàn bộ số tiền nợ đối với thẻ tín dụng VS PayWave Cre Classic 472074-3925 là 34.218.913 đồng, trong đó nợ gốc 16.309.449 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 11/9/2025 là 17.909.464 đồng. Trả một lần cho Ngân hàng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chúc tín dụng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Ngọc L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.710.946 đồng nộp tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 4 và Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017);

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, buộc bà Phạm Ngọc L phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 11/9/2025 theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 20/01/2020 là 34.218.913 đồng, trong đó nợ gốc 16.309.449 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 11/9/2025 là 17.909.464 đồng. Trả một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần S ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Ngọc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì lãi suất mà bà Phạm Ngọc L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Ngọc L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.710.946 đồng nộp tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 681.228 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0079065 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND KV2;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mai Trâm